Mẫu số I.25

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

VIET NAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số: _____

No.

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHO HOẠT ĐỘNG KÉO

CERTIFICATE OF FITNESS FOR TOWING OPERATION

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hoạt động kéo trên biển

Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Towage at Sea

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM XÁC NHẬN RẰNG:

VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT:

Tàu kéo: _____

Tug: _____

Cảng đăng ký: _____

Port of Registry: _____

Số đăng ký hoặc hô hiệu: _____

Distinctive Number or Letters:

Cấp tàu:

Class: _____

Chủ tàu: _____

Owner: _____

Và đối tượng được kéo: _____

And the object to be towed: _____

_____

_____

Đối tượng được kéo:

Towed object:

Cảng đăng ký (nếu có):

Port of Registry (if any):

Số đăng ký hoặc hô hiệu (nếu có):

Distinctive Number or Letters (if any):

Cấp (nếu có):

Class (if any):

Chủ tàu:

Owner:

Đã được chuẩn bị cho việc kéo từ:

Have been prepared for towage from:

Đến:

To:

Kết quả kiểm tra do Đăng kiểm viên của VR tiến hành đối với thân tàu, trang thiết bị, hệ thống máy tàu, trang bị điện, vô tuyến điện, trang bị hàng hải, phương tiện cứu sinh, phương tiện tín hiệu, trang thiết bị phòng chống cháy và việc bố trí thiết bị kéo của tàu kéo cũng như đối tượng được kéo cho thấy chúng thỏa mãn cho hoạt động kéo dự định, phù hợp với các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hoạt động kéo trên biển.

The results of the surveys carried out by VR Surveyor(s) on hull, equipment, machinery installations, electrical installations,radio equipment, navigation equipment, life-saving appliances, signal appliances, fire protection and extinguishing appliances and towing arrangements of the tug as well as the towed object show that they are fit for the intended towing operation, and in compliance with the provisions of the National Technical Regulation on Towage at Sea.

Trong quá trình hành trình, phải áp dụng các biện pháp sau đây:

For conveyance the following measures are conditional:

1. Mỗi chặng riêng biệt của chuyến đi chỉ được phép bắt đầu ở điều kiện thời tiết khu vực tốt và điều kiện khí hậu chung thích hợp.

   The individual parts of the voyage are to be started only under good local weather conditions and favourable general meteorological situation.

2. Khi gặp phải điều kiện thời tiết xấu, cần phải thay đổi hướng đi và tốc độ thích hợp và/hoặc phải đưa tàu vào nơi trú ẩn nếu có thể.

In case of worsening weather conditions course and speed are to be changed accordingly and/or sheltered place is to be resorted if possible.

3. Tất cả các miệng hầm hàng, các lỗ người chui, các cửa bên ngoài thượng tầng/lầu, các ống thông hơi, thông gió và các lỗ khác mà qua đó nước có thể xâm nhập vào trong tàu phải được đóng kín thời tiết.

All hatches, access openings, outside doors, ventilation pipes, air pipes and other openings through which water might intrude into the interior of the tow are to be closed watertight.

4. Phải đảm bảo đầy đủ ổn định cho tàu kéo và đối tượng được kéo trong khi hành trình.

Sufficient stability of the tug and the towed object is to be safeguarded during the voyage.

5. Phải tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về đèn hiệu và vật hiệu.

The relevant national and international regulations regarding lights and shapes are to be complied with.

6 Tất cả hàng hóa và trang thiết bị sắp xếp trên đối tượng được kéo phải được cố định và chằng buộc chắc chắn đảm bảo khả năng đi biển, phù hợp với kế hoạch chuyến đi đã được thẩm định.

All cargoes, components and equipment stored on board the towed object are fastened and lashed seaworthily in accordance with the approved voyage plan.

7 Tất cả các bộ phận của hệ thống kéo được liệt kê dưới đây phải được duy trì ở trạng thái thỏa mãn:

All parts of the towage arrangements as listed below are to be in satisfactory condition:

Dây kéo _____ (mm) (đường kính)

Towing wire (diameter)

_____ (m) (chiều dài)

(length)

_____ (kN) (tải trọng kéo đứt)

(breaking load)

Dây kéo dự trữ _____ (mm) (đường kính)

Spare towing wire (diameter)

(m) (chiều dài)

_____ (length)

_____ (kN) (tải trọng kéo đứt)

(breaking load)

Dây đai kéo _____ (mm) (đường kính)

Pendant wire (diameter)

_____ (m) (chiều dài)

(length)

_____ (kN) (tải trọng kéo đứt)

(breaking load)

Bộ phận khác _____ (mô tả)

Other parts (description)

(mm) (đường kính)

(diameter)

_____ (m) (chiều dài)

_____ (length)

_____ (kN) (tải trọng kéo đứt)

(breaking load)

Giấy Chứng nhận này có hiệu lực đến: _____

This Certificate is valid until:

Cấp tại _____ Ngày _____

Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

VIETNAM REGISTER

Nguồn: Thông tư 20/2022/TT-BGTVT